TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2023/DS-ST
Ngày: 29/9/2023
"V/v tranh chấp tài sản chung và thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 533/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2020 về việc "tranh chấp tài sản chung và thừa kế", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; Trú tại: Số 35/22 khu phố 5, thị trấn DT, huyện DT, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Số 20 đường Nguyễn Thị Minh Khai, khu phố 5, thị trấn DT, huyện DT, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phùng Quang M, sinh năm 1998; Trú tại: Thôn MP, xã Hòa MT, huyện TH, tỉnh Phú Yên.

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn T, sinh năm 1930; trú tại: Số 134/7 đường Nguyễn Thị Minh Khai, khu phố 5, thị trấn DT, huyện DT, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn M1, sinh năm 1953; trú tại: Khu phố 5, thị trấn DT, huyện DT, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Lê Thị R, sinh năm 1963; Trú tại: khu phố 5, thị trấn DT, huyện DT, tỉnh Bình Dương.

+ Bà Lê Thị D, sinh năm 1964; Trú tại: khu phố 5, thị trấn DT, huyện DT, tỉnh Bình Dương.

+ Bà Lê Thị M2, sinh năm 1967; Trú tại: khu phố 5, thị trấn DT, huyện DT, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 12/11/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/12/2021, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà H (ông M) trình bày:*

Bà H và ông Lê Tấn T1, sinh năm 1970 là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1987, nhưng không có đăng ký kết hôn. Bà H và ông T1 có 01 con chung tên Lê Văn T2, sinh năm 1996 (chết năm 2017). Tài sản chung của bà H và ông T1 là phần đất có diện tích 386m^2 thửa số 100, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01453/QĐ-UB ngày 23/6/2006 do UBND huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Lê Tấn T1. Nguồn gốc đất là bà H và ông T1 mua của bà Đỗ Thị Thu T3. Tài sản trên đất có 01 căn nhà cấp 4 do bà H và ông T1 xây dựng năm 2004. Năm 2017 ông T1 mất không để lại di chúc nên bà H và ông T xảy ra tranh chấp. Bà H khởi kiện yêu cầu như sau:

- Bà H yêu cầu chia đôi tài sản chung giữa bà H và ông T1 phần đất có diện tích 386m^2 thửa số 100, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01453/QĐ-UB ngày 23/6/2006 do UBND huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Lê Tấn T1 và căn nhà cấp 4 trên đất.

- Phần tài sản của ông T1 được hưởng, bà H yêu cầu chia thừa kế cho bà và ông T mỗi người 1/2.

Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/12/2021 bà H yêu cầu cầu chia đôi tài sản chung giữa bà H và ông T1 là phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 788,5m^2 thửa số 100, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01453/QĐ-UB ngày 23/6/2006 do UBND huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Lê Tấn T1 và căn nhà cấp 4 trên đất trên đất. Phần tài sản của ông T1 được hưởng, bà H yêu cầu chia thừa kế cho bà và ông T mỗi người ½. Bà H yêu cầu nhận hiện vật và thanh toán tiền cho ông T.

Theo đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 02/6/2023, bà H yêu cầu cầu chia đôi tài sản chung giữa bà H và ông T1 là phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 352,8m^2 thửa số 100, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01453/QĐ-UB ngày 23/6/2006 do UBND huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Lê Tấn T1 và căn nhà cấp 4 trên đất trên đất. Phần tài sản của ông T1 được hưởng, bà H yêu cầu chia thừa kế cho bà và ông T mỗi người ½. Bà H yêu cầu nhận hiện vật và thanh toán tiền cho ông T.

Trước yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì bà H không đồng ý.

Ông M thống nhất biên bản xem xét thẩm định tài sản tranh chấp ngày 23/3/2021; mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý (tranh chấp) số 490-2021 ngày 05/4/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Dầu Tiếng; Biên bản định giá ngày 13/01/2022.

Tại phiên tòa, bà H rút yêu cầu chia thừa kế. Bà H chỉ yêu cầu chia tài sản chung là phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 352,8m^2 thửa số 100, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01453/QĐ-UB ngày 23/6/2006 do UBND huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Lê Tấn T1 và căn nhà cấp 4 trên đất trên đất. Bà H yêu cầu được nhận 1/3 giá trị đất và ½ giá trị nhà trên đất.

Ngoài ra, ông M không có ý kiến gì khác.

** Theo đơn phản tố ngày 28/3/2022, biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2023, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông T (ông M2) trình bày*:

Ông Lê Tấn T1 là con ruột của ông T. Ông T1 và bà H chung sống không có đăng ký kết hôn, có 01 con chung tên Lê Văn T2, sinh năm 1996 đã chết ngày 20/7/2017. Tuy nhiên bà H không thường xuyên chung sống với ông T1. Ngoài ra ông T1 không có vợ, con nào khác. Ông T1 chết ngày 08/10/2017. Mẹ của ông T1 tên Dương Thị T4, sinh năm 1933, đã chết ngày 12/8/2011.

Ông T1 chết để lại phần đất có diện tích 386m^2 (đo đạc thực tế 352,8m^2) thuộc thửa số 100 tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01453/QĐ-UB ngày 23/6/2006 do Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Lê Tấn T1. Nguồn gốc phần đất này do ông T cho ông T1. Khi ông T1 chết có lập di chúc ngày 13/9/2017 tại nhà ông Phạm Văn T5, trưởng khu phố 5, thị trấn Dầu Tiếng. Theo di chúc thì ông T1 để lại phần đất trên và tài sản trên đất cho bà Lê Thị R, Lê Thị D và Lê Thị M2. Di chúc được ông T1 ký tên, lăn tay và chỉ có ông Phạm Văn T5 xác nhận.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà H thì ông T không đồng ý vì bà H không có công sức hay tư cách gì để được hưởng thừa kế của ông T1. Ông T yêu cầu tòa án giao cho ông T toàn quyền sử dụng toàn bộ phần đất diện tích 386m^2 (đo đạc thực tế 352,8m^2) thuộc thửa số 100 tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01453/QĐ-UB ngày 23/6/2006 do Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Lê Tấn T1 và tài sản trên đất cho ông T được hưởng thừa kế.

Đối với yêu cầu độc lập của bà Lê Thị M2, Lê Thị R và Lê Thị D yêu cầu công nhận di chúc ngày 13/9/2017 do ông T1 lập là hợp pháp thì ông T yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ông M1 thống nhất biên bản xem xét thẩm định tài sản tranh chấp ngày 23/3/2021; mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý (tranh chấp) số 490-2021

ngày 05/4/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Dầu Tiếng; Biên bản định giá ngày 13/01/2022.

Tại phiên tòa, ông M1 thừa nhận căn nhà cấp 4 là tài sản chung của bà H và ông T1 nên đồng ý chia đôi giá trị căn nhà, còn đất là do ông T cho ông T1 nên không đồng ý chia cho bà H 1/3 giá trị đất.

Ngoài ra ông M1 không có ý kiến gì khác.

** Theo đơn khởi kiện độc lập ngày 28/3/2022, bản tự khai ngày 16/6/2023 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà R, bà D, bà M2 trình bày*:

Ông T là cha ruột của bà R, bà D, bà M. Ông Lê Tấn T1 là em ruột của bà R, bà D, bà M. Ông T1 và bà H chung sống không có đăng ký kết hôn, có 01 con chung tên Lê Văn T2, sinh năm 1996 đã chết ngày 20/7/2017. Tuy nhiên bà H không thường xuyên chung sống với ông T1. Ngoài ra ông T1 không có vợ, con nào khác. Ông T1 chết ngày 08/10/2017. Mẹ của ông Tài tên Dương Thị T4, sinh năm 1933, đã chết ngày 12/8/2011.

Ông T1 chết để lại phần đất có diện tích 386m^2 (đo đạc thực tế 352,8m^2) thuộc thửa số 100 tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01453/QĐ-UB ngày 23/6/2006 do Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Lê Tấn T1. Ngoài ra ông T1 không có tài sản nào khác.

Khi ông T1 chết có lập di chúc ngày 13/9/2017 tại nhà ông Phạm Văn T5, trưởng khu phố 5, thị trấn Dầu Tiếng. Theo di chúc thì ông T1 để lại phần đất trên và tài sản trên đất cho bà M, bà R, bà D. Di chúc được ông T1 ký tên, lăn tay và chỉ có ông Phạm Văn T5 xác nhận.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà H thì các bà không đồng ý vì bà H không có công sức hay tư cách gì để được hưởng thừa kế của ông T1. Bà R, bà D, bà M2 yêu cầu tòa án công nhận di chúc do ông T1 lập ngày 13/9/2017 là hợp pháp và giao cho bà M2, bà R và bà D được quyền sử dụng toàn bộ diện tích 386m^2 (đo đạc thực tế 352,8m^2) thuộc thửa số 100 tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01453/QĐ-UB ngày 23/6/2006 do Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Lê Tấn T1.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Lê Văn T yêu cầu giao toàn bộ diện tích 386m^2 (đo đạc thực tế 352,8m^2) thuộc thửa số 100 tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01453/QĐ-UB ngày 23/6/2006 do Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Lê Tấn T1 và tài sản trên đất cho ông T được hưởng thừa kế thì các bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bà D, bà R, bà M2 thống nhất biên bản xem xét thẩm định tài sản tranh chấp ngày 23/3/2021; mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý (tranh chấp) số 490-2021 ngày 05/4/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Dầu Tiếng; Biên bản định giá ngày 13/01/2022.

Tại phiên tòa, bà R, bà D, bà M2 rút toàn bộ yêu cầu độc lập.

Ngoài ra bà D, bà R, bà M2 không có ý kiến gì khác.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp tài sản chung và thừa kế". Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia tài sản chung là có cơ sở chấp nhận. Yêu cầu phản tố của bị đơn về chia thừa kế là có cơ sở chấp nhận. Nguyên đơn rút một phần yêu cầu và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan rút toàn bộ yêu cầu nên đề nghị đình chỉ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ, sau khi nghe lời trình bày của các đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện ông Lê Văn T yêu cầu chia tài sản chung và thừa kế đối với phần đất có diện tích đo đạc thực tế 352,8m^2 thuộc thửa 100, tờ bản đồ 11 tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương và tài sản trên đất là căn nhà cấp 4. Bị đơn ông T có yêu cầu phản tố và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập về việc chia thừa kế đối với phần đất trên. Do đó, quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp tài sản chung và thừa kế" theo quy định tại khoản 2, 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Phần đất tranh chấp tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án: Bà H và ông Lê Tấn T1, sinh năm 1970 là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1987, nhưng không có đăng ký kết hôn. Bà H và ông T1 có 01 con chung tên Lê Văn T2, sinh năm 1996 (chết năm 2017). Tài sản chung của bà H và ông T1 là phần đất có diện tích 386m^2 (đo đạc thực tế 352,8m^2) thửa số 100, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01453/QĐ-UB ngày 23/6/2006 do UBND huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Lê Tấn T1. Nguồn gốc đất là bà Hiệp và ông T1 mua của bà Đỗ Thị Thu T3. Tài sản trên đất có 01 căn nhà cấp 4

do bà H và ông T1 xây dựng năm 2004. Năm 2017 ông T1 mất không để lại di chúc. Nay bà H yêu cầu chia tài sản chung là phần đất và căn nhà trên đất.

Trước yêu cầu của bà H thì ông T không đồng ý. Ông T phản tố yêu cầu được hưởng thừa kế toàn bộ đất và tài sản trên đất.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà H: Bà H cho rằng bà H và ông T1 có tạo lập được tài sản là phần đất có diện tích 386m^2 (đo đạc thực tế 352,8m^2) thửa số 100, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01453/QĐ-UB ngày 23/6/2006 do UBND huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Lê Tấn T1. Nguồn gốc đất là bà H và ông T1 mua của bà Đỗ Thị Thu T3 và 01 căn nhà cấp 4 do bà H và ông T1 xây dựng năm 2004.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 25/4/2022 bà Đỗ Thị Thu T3 khai: Phần đất cấp cho ông Lê Tấn T1 có nguồn gốc do vợ chồng bà T3 khai phá. Sau đó bà bán cho ông Lê Tấn T1. Tuy nhiên theo biên bản lấy lời khai ngày 29/11/2022 bà T3 khai nguồn gốc phần đất do ông T1 nhận chuyển nhượng của bà L năm 1993 với chiều ngang 4m, do phần đất ông T1 nhận chuyển nhượng giáp với phần đất của bà nên khoảng năm 2000 bà mới chuyển nhượng thêm cho ông T1 và bà H. Như vậy lời khai của bà T3 là không thống nhất với nhau. Ngoài ra, khi bà T3 chuyển nhượng cho ông T1, bà H thì đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Mặc khác, theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Tấn T1 (giấy chứng nhận số 586QSDĐ ngày 23/4/2004 do UBND huyện Dầu Tiếng cấp) thì nguồn gốc phần đất là cha mẹ cho năm 1988.

Do đó, bà H cho rằng đất là vợ chồng bà mua là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, bà H chung sống với ông T1, có con chung và sống trên đất một thời gian nên cần tính công sức đóng góp cho bà H là 10% giá trị đất.

Theo biên bản định giá ngày 13/01/2022 thì phần đất thửa 100 diện tích 352,8m^2 có giá trị 1.453.258.699 đồng. Bà H được hưởng phần giá trị là 145.325.869 đồng.

Căn nhà cấp 4 diện tích 91,2m^2 trị giá 140.448.000 đồng là tài sản chung của bà H và ông T1 nên chia đôi. Bà H được hưởng giá trị căn nhà là 70.224.000 đồng.

Tổng giá trị bà H được hưởng là 215.549.869 đồng.

[3.2] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn ông T:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà D, bà R, bà M2 có cung cấp di chúc ngày 13/9/2017 của ông T1 để lại tài sản là phần đất thuộc thửa 100 tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương và căn nhà cấp 4 cho bà D, bà R, bà M2. Tuy nhiên, di chúc được đánh máy, có chữ ký, dấu lăn tay của ông T1 và chỉ có ông Phạm Văn T5 ký xác nhận

là chưa phù hợp với quy định tại Điều 634 Bộ luật dân sự năm 2015 nên không hợp pháp. Nên di sản của ông T được chia theo pháp luật.

Theo bà H trình bày bà và ông T1 chung sống với nhau từ năm 1987, nhưng không có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên lời trình bày của bà H là không có căn cứ. Bởi lẻ, bà H sinh năm 1972 thì đến năm 1987 bà H mới chỉ 15 tuổi. Bà H và ông T1 có con chung sinh năm 1996. Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Mai Thị N thì bà H chung sống với ông T1 khoảng năm 1993. Như vậy, có căn cứ xác định bà H chung sống với ông T1 sau năm 1987 và không có đăng ký kết hôn nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T1 và bà H. Do đó, bà H không thuộc hàng thừa kế theo pháp luật của ông T1.

Do mẹ ông T1 là bà Dương Thị T4, sinh năm 1933, đã chết ngày 12/8/2011. Con ông Tài là Lê Văn T2 chết ngày 20/7/2017 là chết trước ông T1 (ông T1 chết ngày 08/10/2017). Ông T1 không có vợ con nào khác. Nên ông T là người duy nhất được hưởng thừa kế tài sản của ông T1. Do đó, ông T1 yêu cầu phản tố được hưởng toàn bộ di sản của ông T1 là có cơ sở chấp nhận.

Xét thấy hiện nay ông T đang quản lý, sử dụng phần đất này nên tiếp tục giao cho ông T quản lý, sử dụng.

Như nhận định trên thì bà H được hưởng phần tài sản chung trị giá 215.549.869 đồng. Nên ông T có trách nhiệm thanh toán cho bà H số tiền là 215.549.869 đồng.

[4] Ngày 02/6/2023 bà H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần đất nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01453/QĐ-UB ngày 23/6/2006 do Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Lê Tấn T1 và tại phiên tòa bà H xin rút yêu cầu chia thừa kế nên đình chỉ.

[5] Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà D, bà R, bà M2 rút toàn bộ yêu cầu độc lập nên đình chỉ.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà H, ông T phải chịu án phí đối với phần tài sản mà mình được hưởng. Ông T sinh năm 1953 là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí Tòa án nên thuộc trường hợp được miễn án phí Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Chi phí đo đạc, định giá: Chi phí đo đạc 3.286.445 đồng và chi phí định giá 700.000 đồng. Ông T và bà H mỗi người chịu ½. Bà H đã nộp. Ông T phải thanh toán lại cho bà H là 1.993.222 đồng.

[8] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 213, 219, 630, 634, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện "tranh chấp tài sản chung" của bà Nguyễn Thị H đối với ông Lê Văn T.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố "tranh chấp thừa kế về tài sản" của ông Lê Văn T đối với bà Nguyễn Thị H.

Giao cho ông Lê Văn T quản lý sử dụng phần đất có diện tích 352,8m^2 thuộc thửa 100, tờ bản đồ 11 tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Tứ cận:

Đông giáp thửa 101

Tây giáp thửa 99

Nam giáp thửa 13

Bắc giáp đường sỏi đỏ

(có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

Tài sản trên đất là căn nhà cấp 4 diện tích 91,2m^2.

3. Buộc ông Lê Văn T thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 215.549.869 đồng (hai trăm mười lăm triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi chín đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng ông T còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Lê Văn T về phần đất nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01453/QĐ-UB ngày 23/6/2006 do Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Lê Tấn T1 và yêu cầu chia di sản thừa kế.

5. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của bà D, bà R, bà M2 về việc công nhận di chúc.

6. Chi phí đo đạc, định giá: Chi phí đo đạc 3.286.445 đồng (ba triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm bốn mươi lăm đồng) và chi phí định giá 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng). Ông T và bà H mỗi người chịu ½. Bà H đã nộp. Ông T phải thanh toán lại cho bà H là 1.993.222 đồng (một triệu chín trăm chín mươi ba nghìn hai trăm hai mươi hai đồng)

7. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị H phải chịu 10.777.493 đồng (mười triệu sáu trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0007011 ngày 16/12/2021 và biên lai thu số AA/2016/0045372 ngày 18/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng. Bà H phải nộp tiếp là 3.277.493 đồng (ba triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng).

- Hoàn lại cho bà Lê Thị D 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0007328 ngày 30/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng.

- Hoàn lại cho bà Lê Thị R 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0007329 ngày 30/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng.

- Hoàn lại cho bà Lê Thị M2 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0007327 ngày 30/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Thùy Linh